

# NHỮNG HỌC THUYẾT CHỨNG CỨ CƠ BẢN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

NGUYỄN THÁI PHÚC

Khoa Luật, Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh  
Faculty of Law, Ho Chi Minh City Open University  
Email: tobynguyen2022@gmail.com

## Tóm tắt

Học thuyết chứng cứ là hệ thống các quan điểm, ý tưởng, lý luận khoa học về hoạt động chứng minh và chứng cứ, là bộ phận cấu thành có vị trí độc lập của khoa học tố tụng hình sự. Bài viết trình bày khái quát lịch sử hình thành và phát triển của các học thuyết chứng cứ cho thấy sự khác biệt, đặc thù của mỗi học thuyết cũng như sự tác động ảnh hưởng, giao thoa lẫn nhau của các học thuyết này. Bài viết cũng đề cập một trong những vấn đề phức tạp nhất đồng thời có tính học thuật nhất trong học thuyết chứng cứ là khái niệm chứng cứ, những thuộc tính của chứng cứ và vai trò của chúng, những vấn đề còn tranh luận xung quanh chủ đề này.

**Từ khóa:** học thuyết chứng cứ, tự do đánh giá chứng cứ, quy tắc “quả của cây độc”, quy tắc “bất đối xứng”

## Abstract

The theory of evidence is a system of perspectives, ideas, and scientific reasoning concerning proof and evidence. It constitutes an independent component of the forensic science. This article provides a general overview of the history of the formation and development of evidence theories, illustrating the differences and specificities of each theory as well as their mutual influences and intersections. The article also addresses one of the most complex and academically significant issues within the theory of evidence – the concept of evidence – the attributes of evidence and their roles, along with the ongoing debates surrounding this topic.

**Keywords:** evidence theory, freedom of evidence evaluation, the “fruit of the poisonous tree” rule, the “exclusionary rule”

Ngày nhận bài: 25/11/2023

Ngày duyệt đăng: 15/01/2024

## 1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển các học thuyết cơ bản về chứng cứ trong tố tụng hình sự

Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự (TTHS) là quá trình xác định sự tồn tại (hoặc không tồn tại) của các tình tiết, sự kiện (*facts*) nhất định có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án. Chứng cứ là phương tiện duy nhất để xác định các tình tiết, sự kiện này. Chính vì tầm quan trọng của hoạt động chứng minh, chứng cứ nên trong pháp luật TTHS đã hình thành nhóm quy phạm điều chỉnh chi tiết với tên gọi là luật chứng cứ và trong khoa học pháp lý nói chung và khoa học TTHS nói riêng xuất hiện hướng nghiên cứu chuyên sâu là học thuyết chứng cứ. Học thuyết chứng cứ là hệ thống các quan điểm, ý tưởng, lý luận khoa học về hoạt động chứng minh và chứng cứ, là bộ phận cấu thành có vị trí độc lập của khoa học TTHS. Thuật ngữ “học thuyết chứng cứ” chỉ có tính ước lệ trong lĩnh vực TTHS và việc sử dụng thuật ngữ này có tính truyền thống.<sup>1</sup> Trong khoa học TTHS có các học thuyết chứng cứ sau: học thuyết chứng cứ hình thức; học thuyết tự do đánh giá chứng cứ theo niềm tin nội tâm;

<sup>1</sup> Астахов М.А., “Современные концепции о понятии доказательства в уголовно-процессуальном праве”, *Территория науки*, 2013, No 2 [Tiếng Việt: Axtasốp. M.A. “Các trường phái hiện nay về khái niệm chứng cứ trong Tố tụng hình sự”, *Tạp chí Viên uôm khoa học*, số 2, 2013].

học thuyết chứng cứ Anglo- saxon.<sup>2</sup> Với những đặc thù của mình, học thuyết chứng cứ Nga có thể được xem là học thuyết độc lập về chứng cứ.

### **1.1. Học thuyết chứng cứ hình thức**

Đây là học thuyết khoa học chứng cứ đầu tiên trong lịch sử nhân loại xuất hiện và phát triển trong khuôn khổ mô hình TTHS xét hỏi và được xem là chủ thuyết đặc trưng cho mô hình này. Học thuyết này có nguồn gốc sâu xa từ những hình thức xét xử cổ xưa khi tòa án áp dụng những cách thức xác định sự thật của vụ án mang tính hình thức như thử thách các bên tranh tụng bằng lửa, bằng nước, thách đấu, tuyên thệ... Mô hình TTHS xét hỏi phủ nhận sự tách bạch giữa các chức năng cơ bản của TTHS. Các chức năng cơ bản này tập trung thống nhất vào tay thẩm phán với quyền lực tố tụng to lớn. Nhà làm luật đã hình thức hóa (luật hóa) tối đa các quy định về chứng cứ, về quá trình chứng minh và bằng cách đó thực chất là vô hiệu hóa ý chí chủ quan của thẩm phán khi thực hiện thẩm quyền của mình. Đây là lý do cơ bản vì sao học thuyết này có tên là học thuyết chứng cứ hình thức hay “học thuyết về các chứng cứ do luật định” (*theory of legal evidence*). Luật quy định danh mục đóng các loại chứng cứ và các hoạt động chứng minh – hoạt động điều tra thu thập, củng cố, kiểm tra đánh giá chứng cứ. Đánh giá chứng cứ của thẩm phán được xem là “thao tác logic thuần túy” theo những chuẩn mực do luật định một cách cơ học như là một chiếc máy tính.<sup>3</sup>

Học thuyết này đã xây dựng những công thức chuẩn mực về đánh giá chứng cứ như “*testis unus testis nullus*”- một người làm chứng chưa phải là người làm chứng hoặc “*confessio est regina probationum*” - lời nhận tội là vua của các chứng cứ, có ưu thế hơn so với tất cả các chứng cứ còn lại; lời nhận tội tại tòa án có giá trị bằng toàn bộ sự thật vụ án, còn nhận tội ngoài tòa án chỉ có giá trị một nửa sự thật; người làm chứng có tài sản có ưu thế hơn người làm chứng không có tài sản; người có đạo đáng tin hơn người không có đạo. Chứng cứ còn được phân chia thành “chứng cứ hoàn thiện” và “chứng cứ chưa hoàn thiện”, “chứng cứ đầy đủ” và “chứng cứ chưa đầy đủ”.

### **1.2. Học thuyết tự do đánh giá chứng cứ theo niềm tin nội tâm**

Mô hình TTHS pha trộn và học thuyết tự do đánh giá chứng cứ (*liberté de la preuve*) theo niềm tin nội tâm (*intime conviction*) xuất hiện đầu tiên ở Pháp như là sản phẩm của Cách mạng tư sản Pháp (1789-1799) và sau đó nhanh chóng được đa số các nước ở châu Âu tiếp nhận. Mô hình TTHS pha trộn dựa trên sự tách bạch các chức năng cơ bản của TTHS, mỗi chức năng cơ bản do các chủ thể (hoặc nhóm chủ thể) có lợi ích tố tụng khác nhau thực hiện, thừa nhận tranh tụng của các bên ở trước tòa án. Quyền lực của tòa án độc lập với hai bên tranh tụng. Trong bối cảnh như vậy thì học thuyết chứng cứ hình thức – đối trọng với quyền lực to lớn của thẩm phán đã không còn cần thiết nữa.

2 Головкин Л. В., Курс уголовного процесса, М.: Статут, 2016 [Tiếng Việt: Golovco, *Giáo trình Tố tụng hình sự*, M. Statut, 2016].

3 Головкин Л.В., *tdđđ*.

Học thuyết tự do đánh giá chứng cứ đã ra đời với thuật ngữ có tính biểu tượng “*intime conviction*” - niềm tin nội tâm - thể hiện trong luật 16/10/1791 và Điều 342 Bộ luật Điều tra hình sự 1808 của Pháp.<sup>4</sup> Học thuyết này có những đặc điểm: (i) Luật không quy định danh mục đóng các nguồn chứng cứ. Hoạt động chứng minh có thể thực hiện bằng những thông tin từ bất kỳ nguồn nào nếu nguồn thông tin đó không bị luật cấm một cách minh thị. (ii) Luật không quy định danh mục đóng các biện pháp chứng minh (các hoạt động điều tra). Có thể chứng minh các sự kiện của vụ án bằng bất kỳ biện pháp nào nếu luật không cấm một cách minh thị. (iii) Luật không quy định trước giá trị chứng minh của chứng cứ, không có chứng cứ nào có ưu thế hơn các chứng cứ còn lại, không phân chia chứng cứ thành “chứng cứ hoàn thiện” và “chứng cứ chưa hoàn thiện”. Giá trị chứng minh của tất cả các chứng cứ đều hoàn toàn như nhau và được đánh giá theo niềm tin nội tâm của thẩm phán.

Vấn đề chân lý (hay sự thật) của vụ án quan hệ trực tiếp với mục đích của hoạt động TTHS là một trong những nội dung trung tâm của học thuyết chứng cứ này. Khái niệm chân lý khách quan (*vérité matérielle*) ở góc độ pháp lý trở thành trường phái thống trị ở châu Âu và trở thành biểu tượng về học thuật để phân biệt học thuyết tự do đánh giá chứng cứ với các học thuyết chứng cứ còn lại.

### 1.3. Học thuyết chứng cứ của hệ thống pháp luật Anglo-saxon

Học thuyết chứng cứ Anglo-saxon phát triển chủ yếu bằng sự tiến hóa của thực tiễn xét xử trong chiều dài lịch sử hàng trăm năm. Học thuyết chứng cứ của hệ thống pháp luật Anglo-saxon được xem là một trong những học thuyết chứng cứ phát triển nhất do sự tác động của hai nhân tố. Thứ nhất là sự tồn tại qua nhiều thế kỷ của chế định tòa án bồi thẩm - tòa án có sự tham gia của những thẩm phán không chuyên nghiệp đòi hỏi khách quan khi xét xử phải có giải thích, hướng dẫn thường xuyên về các quy tắc của hoạt động chứng minh. Chính sự tồn tại của tòa án bồi thẩm làm phát triển pháp luật chứng cứ.<sup>5</sup> Thứ hai là sự tồn tại của chế định án lệ, theo đó các quy định của hoạt động chứng minh được điều chỉnh không phải bởi những quy định cô đọng, cứng nhắc của luật mà bởi hàng nghìn các án lệ khác nhau, đôi khi còn mâu thuẫn với nhau.<sup>6</sup> Những nhân tố này đã làm cho “học thuyết chứng cứ Anglo-saxon phát triển và thay đổi cập nhật không ngừng...”<sup>7</sup>

Nội dung cơ bản của học thuyết chứng cứ của hệ thống pháp luật Anglo-saxon là những quy tắc về các thuộc tính của chứng cứ<sup>8</sup> trong đó tính liên quan và tính xác thực của chứng cứ là thuộc tính cơ bản chứ không phải thuộc tính

4 Головки Л.В., *т.д.д.*

5 Гуценко К. Ф., Головки Л. В., Филимонов Б. А., Уголовный процесс западных государств, М.: Зерцало, 2001 [Tiếng Việt: *Tổ tụng hình sự các nước phương Tây*, M. Dersalo, 2001].

6 Головки, *т.д.д.*

7 Фойницкий И.Я., *Курс уголовного судопроизводства*, СПб., 1996 [Tiếng Việt: Phoinitski. I. IA *Giáo trình Tổ tụng hình sự*, ХРВ, 1996].

8 Фойницкий И.Я., *т.д.д.*

hợp pháp. Học thuyết Anglo-saxon phát triển theo hướng riêng của mình gần như là phiên bản trung gian kết hợp các yếu tố của học thuyết chứng cứ hình thức cũng như các yếu tố của học thuyết tự do đánh giá chứng cứ của châu Âu lục địa, nghiêng về học thuyết này nhiều hơn<sup>9</sup>. Cũng có ý kiến cho rằng học thuyết chứng cứ của hệ thống pháp luật Anglo-saxon là học thuyết tương đối độc lập phân biệt với học thuyết tự do đánh giá chứng cứ và cũng không chịu ảnh hưởng từ những chuẩn mực của học thuyết chứng cứ hình thức. Lịch sử phát triển hàng trăm năm của học thuyết này đã hình thành những đặc thù và tính tự trị, không pha trộn với các học thuyết chứng cứ khác...<sup>10</sup>

Tiêu chí đánh giá chứng cứ của học thuyết này là “*beyond reasonable doubt*” (không còn hoài nghi hợp lý về lỗi của bị cáo), theo đó bên buộc tội, cũng là bên có nghĩa vụ chứng minh, cần phải chứng minh các sự kiện, tình tiết của vụ án sao cho thẩm phán không còn hoài nghi về sự đúng đắn của những nội dung buộc tội. Luật chứng cứ của Anh không quy định danh mục đóng các nguồn chứng cứ - những gì mà luật không cấm thì các bên được phép sử dụng để chứng minh. Thẩm phán ở Anh không phải là chủ thể hoạt động chứng minh, không được thể hiện sáng kiến của mình trong thu thập chứng cứ. Thu thập và đề xuất chứng cứ là đặc quyền của các bên tranh tụng.

#### **1.4. Học thuyết chứng cứ của Nga**

Cải cách tư pháp năm 1864 ở nước Nga đã tiếp thu học thuyết tự do đánh giá chứng cứ thay thế cho học thuyết chứng cứ hình thức. Về cơ bản học thuyết chứng cứ ở Nga từ 1864 đến nay không có khác biệt nhiều so với học thuyết tự do đánh giá chứng cứ kinh điển trừ một số đặc thù sau đây:

(i) Học thuyết này không được thừa nhận trong toàn bộ hoạt động chứng minh mà chỉ được thừa nhận trong đánh giá chứng cứ, còn thu thập chứng cứ vẫn chịu sự chi phối bởi học thuyết chứng cứ hình thức. Các Bộ luật (BL) TTHS của nước Nga luôn quy định danh mục đóng các nguồn chứng cứ, danh mục đóng các hoạt động điều tra.

(ii) Học thuyết chứng cứ của Nga đã tiếp thu một số chế định, thuật ngữ đặc trưng của học thuyết chứng cứ Anglo-saxon như chế định về các thuộc tính hợp pháp, thuộc tính liên quan... của chứng cứ (những chế định này không được biết đến trong TTHS của nhiều nước châu Âu lục địa).

Như vậy học thuyết chứng cứ Nga chịu ảnh hưởng của cả ba học thuyết cơ bản về chứng cứ trên thế giới. Thời kỳ Xô-viết là thời kỳ mà học thuyết chứng cứ của Nga có bước phát triển lớn kể cả về số lượng công trình nghiên

9 Федулина Е. А., “Теория формальных доказательств: исторический подход к оценке” [Tiếng Việt: Phedulina. E.A, *Học thuyết chứng cứ Anglo-saxon: đánh giá từ góc độ lịch sử*], <https://wiselawyer.ru>.

10 Рамазанов Т.Б., “Исторические типы доказательственных теорий и их значение для формирования российской теории доказательств в уголовном судопроизводстве”, *Юридический вестник ДГУ, №2 (38), 2021* [Tiếng Việt: Ramadanov. T.B, “Các học thuyết chứng cứ trong lịch sử và vai trò của chúng trong việc hình thành học thuyết chứng cứ Nga trong Tố tụng hình sự”, *Thông tin pháp lý DGU, số 2, 2021*].

cứu khoa học lẫn về nội dung học thuật với nhiều trường phái khoa học khác nhau về chứng cứ. Học thuyết chứng cứ giai đoạn này dựa trên lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác- Lênin đã nghiên cứu về hoạt động chứng minh và những vấn đề của nó với tư cách là một dạng của hoạt động nhận thức thế giới khách quan.<sup>11</sup>

## 2. Khái niệm chứng cứ và những thuộc tính của chứng cứ

### 2.1. Khái niệm chứng cứ

Khái niệm chứng cứ là nền tảng quan trọng nhưng đồng thời cũng là vấn đề phức tạp và nặng tính học thuật nhất của học thuyết chứng cứ. Ở nước Nga tranh luận khoa học về khái niệm chứng cứ kéo dài hàng chục năm với nhiều trường phái khác nhau. Tác giả Orlov I.U.K cho rằng học thuyết chứng cứ Nga đã biết đến các trường phái sau đây:<sup>12</sup>

#### a. Trường phái cổ xưa (hay tiền khoa học) về khái niệm chứng cứ

Theo trường phái này chứng cứ là những sự kiện, hiện tượng đời thường xảy ra trong cuộc sống có vai trò thuyết phục thẩm phán về sự tồn tại hay không tồn tại của tình huống nào đó thuộc đối tượng chứng minh trong vụ án.<sup>13</sup> Chứng trở thành chứng cứ tư pháp chỉ vì chúng đã tham gia vào quỹ đạo tố tụng của tòa án, trở thành công cụ để tòa án xác định những tình tiết của vụ án mà tòa án và cơ quan điều tra quan tâm.<sup>14</sup> Trường phái này chỉ thừa nhận chứng cứ là những sự kiện của hiện thực khách quan ở góc độ đời thường và không đề cập hình thức tố tụng của chứng cứ.

#### b. Trường phái logic về khái niệm chứng cứ

Trường phái này chỉ thừa nhận chứng cứ là sự kiện của tồn tại khách quan (các sự kiện tình tiết, hiện tượng, hành vi đã xảy ra trong thời quá khứ) được sử dụng như là tiền đề logic, luận cứ để thu nhận tri thức mới về các đối tượng chứng minh của vụ án. Chứng cứ chỉ là sự kiện chứ không phải là dữ liệu (thông tin) về sự kiện.<sup>15</sup> Những người phản biện đưa ra câu hỏi là những sự kiện này có từ đâu và bằng cách nào trong vụ án hình sự? Các cơ quan THTT đã phát hiện, thu thập, củng cố, yêu cầu cung cấp các sự kiện này như thế nào? Nếu chứng cứ là các sự kiện được xác định đã tồn tại (có sẵn) thì kiểm tra và đánh giá chúng để làm gì? “Trong bất kỳ điều kiện nào cũng không thể hiểu chứng cứ là sự kiện của thế giới khách quan vì như vậy không chỉ trái với nội dung thực tế của hoạt động chứng minh như là sự phản

11 Tran Kim Chi, “Victim’s Participation in Adversary Procedure of the Russian Federation’s Criminal Procedure Code and Lessons for Vietnam”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 5, No. 2, 2021, <https://doi.org/10.2478/vjls-2021-0015>, tr. 71-97.

12 Орлов Ю.К., Основы теории доказательств в уголовном процессе. Научно-практическое пособие, М.: “Проспект”, 2001 [Tiếng Việt: Orlov. I.U.K, *Những căn bản về học thuyết chứng cứ trong tố tụng hình sự*, Sách trợ giảng khoa học- thực tiễn, M. Proxpect, 2001].

13 Владимиров Л. В, *Учение об уголовных доказательствах*, Тула: Автограф, 2000 [Tiếng Việt: Vladimirov. L.V, *Học thuyết về chứng cứ hình sự*, Tula: Bản viết tay, 2000].

14 Вышинский А. Я, *Теория судебных доказательств в советском праве*, М., 1941 [Tiếng Việt: Vusinxki. A IA, *Học thuyết chứng cứ trong pháp luật Xô viết*, M., 1941].

15 Чельцов М. А, *Советский уголовный процесс*, М., 1951 (Tiếng Việt : Chenxốp. M. A, *Tố tụng hình sự Xô viết*, M. 1951).

ánh mà còn dẫn đến sự nhầm lẫn giữa các khái niệm cơ bản của học thuyết chứng cứ như đối tượng chứng minh và chứng cứ”.<sup>16</sup>

*c. Trường phái khái niệm kép về chứng cứ*

Trường phái này xuất hiện và tồn tại lâu dài với tư cách là trường phái thống nhất và phổ biến nhất ở Liên xô cũ với luận điểm chứng cứ là sự thống nhất giữa các sự kiện và nguồn tố tụng của chúng.<sup>17</sup> Nói cách khác, chứng cứ cần hiểu ở hai nghĩa. Ở nghĩa thứ nhất, chứng cứ là sự kiện mà trên cơ sở của chúng xác định có hay không có tội phạm, lỗi của người thực hiện hành vi và những tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án. Ở nghĩa thứ hai, chứng cứ chính là nguồn (một số tác giả còn gọi là công cụ chứng minh) mà từ đó các cơ quan THTT thu thập được những thông tin về sự kiện này như thu thập lời khai người làm chứng, người bị hại, kết luận của giám định viên. . .

Một quan điểm khác của trường phái này định nghĩa chứng cứ là *bất kỳ dữ liệu nào* về sự kiện mà trên cơ sở của những dữ liệu này cơ quan THTT xác định có hay không có các tình tiết thuộc đối tượng chứng minh và những tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án. Quan điểm này cho rằng chứng cứ là sự thống nhất của nội dung (dữ liệu hay thông tin về sự kiện chứ không phải bản thân sự kiện) và hình thức tố tụng của nó.<sup>18</sup>

Theo tác giả Orlov, trường phái này đã khắc phục được nhiều hạn chế của trường phái logic về khái niệm chứng cứ. Ít nhất bây giờ chúng ta có thể hiểu được các sự kiện của vụ án được xác định tồn tại hay không tồn tại như thế nào, bằng cách nào, hiểu về thuộc tính hợp pháp của chứng cứ.<sup>19</sup>

*d. Trường phái thông tin về khái niệm chứng cứ*

Drokhov V. IA - người sáng lập trường phái này khẳng định ý tưởng chủ đạo chứng cứ là sự thống nhất giữa *thông tin về sự kiện* và *nguồn của nó*: “Chứng cứ không phải là các sự kiện được nhận biết và ghi nhận trong hình thức tố tụng mà là thông tin về sự kiện nếu như những thông tin này có thể khẳng định hoặc phủ định các tình tiết phải chứng minh trong vụ án hình sự. Trong tư duy của con người tồn tại, tác động lẫn nhau và vận động không phải là vật mà là hình ảnh của chúng, khái niệm, thông tin về chúng. Các sự kiện tự thân chúng không thể là chứng cứ trong tố tụng bởi lẽ chúng là hiện tượng của thế giới khách quan tồn tại không phụ thuộc vào nhận thức của chúng ta. Con người khi nhận thức về sự kiện này hay sự kiện khác là chỉ nắm bắt được thông tin về chúng. Chứng cứ không phải là bản thân sự kiện theo đúng

16 Шейфер С. А., Собрание доказательств по уголовному делу: проблемы законодательства, теории и практики, М.: Норма: Инфра-М, 2015 [Tiếng Việt: Seipher. C. A, *Thu thập chứng cứ trong vụ án hình sự: những vấn đề pháp lý, lý luận và thực tiễn*, M. Norma: InPha, 2015].

17 Строгович М. С., Курс советского уголовного процесса, “Т.1. Трусов А.И. Основы теории судебных доказательств”, М., 1960 [Tiếng Việt: Xtrogovich. M. C, *Giáo trình Tố tụng hình sự Xô viết*, “Quyển 1. Трухов. А.И Căn bản về học thuyết chứng cứ tư pháp”, М., 1960].

18 Отв. ред. Жогин Н. В., Теория доказательств в советском уголовном процессе, М. Юридическая литература, 1973 [Tiếng Việt: Giogin. N.V chủ biên, *Học thuyết chứng cứ trong tố tụng hình sự Xô viết*, M. Nxb Pháp lý, 1973].

19 Орлов Ю.К, *tdđ*.

nghĩa, không phải hiện tượng thế giới khách quan mà là *thông tin về sự kiện* tồn tại trong *nguồn do luật định*".<sup>20</sup> Như vậy bản chất của chứng cứ là thông tin về sự kiện. Đây chính là cách tiếp cận mới cho phép giải quyết nhiều vấn đề về chứng cứ và thuộc tính của chứng cứ.

Quả thực là chúng ta chỉ có thể nhận biết về những sự kiện của tội phạm đã xảy ra (đã thuộc về quá khứ) bằng cách thông qua những thông tin mà chúng để lại trong nhận thức của con người hoặc trong các vật thể vật chất (thuộc tính phản ánh của vật chất). Bằng con đường nhận thức như vậy thông tin về sự kiện đã trở thành chứng cứ, công cụ để chứng minh có hay không sự kiện cụ thể nào đó thuộc đối tượng chứng minh của vụ án. Trường phái này rõ ràng là có tính thuyết phục hơn các trường phái kể trên và nhanh chóng được đón nhận và phổ biến. Tuy nhiên trường phái này không tránh khỏi một số hạn chế nhất định. Hạn chế lớn nhất của nó là chỉ đề cập, nhấn mạnh khía cạnh thông tin còn bỏ qua khía cạnh logic của hoạt động chứng minh.<sup>21</sup>

*e. Trường phái tổng hợp về khái niệm chứng cứ*

Theo trường phái này, chứng cứ là sự thống nhất đồng thời giữa hình thức tố tụng, nguồn và nội dung của nó. Sự thống nhất này không đơn giản như là phép cộng mà như là hệ thống của các yếu tố và mối quan hệ giữa chúng với nhau.<sup>22</sup> Quan điểm này gây tranh luận và khó có thể ủng hộ.

Ghi nhận trực tiếp định nghĩa chứng cứ trong BL TTHS là đặc điểm của học thuyết chứng cứ Nga so với các học thuyết chứng cứ còn lại. BL TTHS hiện hành của Liên bang Nga định nghĩa chứng cứ là *bất kỳ thông tin nào* được thu thập từ những *nguồn* cụ thể do luật định mà trên cơ sở của những thông tin này thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, điều tra viên không chuyên trách xác định sự tồn tại hoặc không tồn tại các tình tiết cần phải chứng minh trong vụ án hình sự và những tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án" (Điều 74). Về cơ bản định nghĩa này kế thừa định nghĩa chứng cứ trong BL TTHS năm 1960 của nước Nga Xô-viết. Điểm mới ở đây là cụm từ "dữ liệu về sự kiện" trong định nghĩa chứng cứ của BL TTHS năm 1960 của nước Nga Xô-viết đã bị thay thế bằng cụm từ "*thông tin*" để nhấn mạnh chứng cứ ngay từ đầu không phải là sự kiện tức là những thông tin đã được xác định, những thông tin này còn phải được tòa án kiểm tra xem xét và có thể có đánh giá khác.<sup>23</sup> Khái niệm "thông tin" phản ánh mặt nội dung của

20 Дорохов В. Я., Понятие доказательства, Теория доказательств в советском уголовном процессе, 2-е изд., под ред. Жогина Н.В., М., 2008 [Tiếng Việt: Đorokhov. V. IA, *Học thuyết chứng cứ trong Tố tụng hình sự Xô viết*, xuất bản lần 2, 2008].

21 Орлов Ю.К, *ibid.*

22 Балакшин В. С., Доказательства в теории и практике уголовно-процессуального доказывания : монография, Екатеринбург, 2005 [Tiếng Việt: Balacshin. V.X, *Chứng cứ trong học thuyết và thực tiễn chứng minh tố tụng hình sự*, Sách chuyên khảo, Ekaterinburg, 2005].

23 Брянская Е. В., *Аргументирующая сила доказательств при рассмотрении уголовных дел в суде первой инстанции*, Монография. – Иркутск : Изд-во ИГУ, 2015 [Tiếng Việt: Bryanskaya E.V, *Sức mạnh tranh luận của chứng cứ khi xét các vụ án hình sự tại tòa sơ thẩm*, Chuyên khảo. – Irkutsk: Nxb. ISU, 2015].

chứng cứ còn khái niệm nguồn chứng cứ phản ánh mặt hình thức tổ tụng của chứng cứ. Chứng cứ được xem là như một thể thống nhất giữa thông tin và nguồn của thông tin tức là thống nhất giữa nội dung và hình thức tổ tụng của chứng cứ. Có thông tin nhưng không có nguồn thì không có chứng cứ. Có nguồn nhưng không có thông tin thì cũng không có chứng cứ.<sup>24</sup>

## 2.2. Những vấn đề về thuộc tính của chứng cứ

Thuộc tính của chứng cứ là những dấu hiệu cần thiết của chứng cứ, nếu thiếu chúng thì thông tin về sự kiện không được phép sử dụng với tư cách là chứng cứ trong vụ án. Sự thống nhất các thuộc tính của chứng cứ là điều kiện cần thiết để chứng cứ có hiệu lực pháp lý trở thành công cụ chứng minh sự tồn tại hoặc không tồn tại của các tình tiết, sự kiện trong vụ án. Trong các học thuyết chứng cứ khác nhau thì cách tiếp cận về các thuộc tính của chứng cứ cũng khác nhau.

### 2.2.1. Các thuộc tính của chứng cứ và vai trò của chúng trong các học thuyết chứng cứ

Suốt nhiều thế kỷ, trong hệ thống pháp luật Anglo-saxon trên cơ sở của các án lệ đã hình thành các tiêu chí, chuẩn mực mà thẩm phán cần dựa vào đó để đánh giá chứng cứ. Đó là những thuộc tính của chứng cứ như: tính liên quan; tính hợp pháp<sup>25</sup>; tính xác thực; và tính sức nặng chứng minh (*weight of evidence*).<sup>26</sup> Mặc dù các quy định về tính hợp pháp của chứng cứ đã xuất hiện, tồn tại và phát triển với lịch sử hàng trăm năm nhưng thuộc tính này của chứng cứ không có vị trí nền tảng như trong các mô hình TTHS khác. Trong luật TTHS Hoa Kỳ, “quy tắc loại trừ” (*exclusionary rule*) được áp dụng đầu tiên năm 1886 và chủ yếu áp dụng khi có những vi phạm các quyền hiến định của công dân từ phía cơ quan buộc tội trong quá trình thu thập chứng cứ và được xem như là hình thức chế tài. Vi phạm các quyền hiến định của công dân ở những lĩnh vực khác không áp dụng quy tắc loại trừ.<sup>27</sup> Tính hợp pháp của chứng cứ là điều kiện tiên quyết của tính sức nặng chứng minh. Luật không quy định tiêu chí để đánh giá thế nào là chứng cứ hợp pháp, “được chấp nhận” hay “không được chấp nhận”, không quy định bất kỳ danh mục nguồn chứng cứ nào, bất kỳ hình thức tổ tụng nào mà các bên phải tuân thủ khi đề xuất chứng cứ... Trong bối cảnh như vậy thẩm phán phải dựa vào hệ thống án lệ - hệ thống đã tích lũy trong hàng trăm năm những trường hợp cụ thể để xem xét chấp nhận hay không chấp nhận chứng cứ và những tiêu chí cụ thể mà thẩm phán cần phải dựa vào khi đánh giá và quyết định. Tính đáng tin cậy của chứng cứ (*loyauté de la preuve*) nhấn mạnh đến khía cạnh thu thập chứng cứ bằng hoạt

24 Головкин Л.В., *т.д.д.*

25 Trong một số tài liệu pháp lý thuộc tính này còn được thể hiện bằng thuật ngữ “tính được chấp nhận của chứng cứ”. Chúng tôi sử dụng thuật ngữ thuộc tính hợp pháp vì nó phổ biến hơn ở nước ta mặc dù thuật ngữ “tính được chấp nhận” chính xác hơn.

26 Weight of evidence – là mức độ khả năng của chứng cứ xác định sự tồn tại hoặc không tồn tại của sự kiện.

27 Шестакова С. Д., Допустимость доказательств в уголовном процессе России и США, Уголовное право. 2004. № 3, С. 100-102 [Tiếng Việt: *Tính hợp lệ của chứng cứ trong tố tụng hình sự nước Nga và Hoa Kỳ*, Luật hình sự, số 3, 2004]



động trình sát - đặc tình. Chứng cứ không đáng tin cậy là chứng cứ thu thập bằng hoạt động trình sát - đặc tình không được luật quy định, bằng cách lừa dối, cài bẫy, hứa hẹn giả tạo, đe dọa và bằng những hành vi xâm phạm đến tự do ý chí của cá nhân.

Trong học thuyết chứng cứ Nga, quan điểm phổ biến chỉ đề cập ba thuộc tính của chứng cứ: tính liên quan; tính hợp pháp; tính xác thực. Tính có liên quan của chứng cứ (*relevance of evidence*) là mối liên hệ giữa chứng cứ và tình tiết cần phải chứng minh. Luật yêu cầu bất kỳ chứng cứ nào cũng phải được đánh giá theo ba tiêu chí đó (Điều 88 BL TTHS Liên bang Nga). Tính hợp pháp của chứng cứ được ghi nhận trong Hiến pháp Liên bang Nga (khoản 2 Điều 50): “Khi xét xử không được sử dụng các chứng cứ thu thập có vi phạm luật”. Luật quy định những tiêu chí cụ thể để đánh giá chứng cứ hợp pháp như chứng cứ phải được thu thập từ nguồn do luật định; phải được thu thập bởi các chủ thể có thẩm quyền theo luật định; phải được thu thập bằng những hoạt động tố tụng theo luật định và tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng luật định khi thực hiện những hoạt động này. Chứng cứ không tuân thủ các yêu cầu luật định là chứng cứ không hợp pháp. BL TTHS Liên bang Nga không ghi nhận ngoại lệ nào từ chuẩn mực chung về đánh giá chứng cứ hợp pháp. Khoản 1 Điều 75 BL TTHS Liên bang Nga ghi rõ chứng cứ không hợp pháp là chứng cứ không có hiệu lực pháp lý và không thể sử dụng làm căn cứ để buộc tội cũng như để chứng minh bất kỳ tình tiết nào thuộc đối tượng chứng minh.

Trong học thuyết chứng cứ Nga tính xác thực của chứng cứ được hiểu là thông tin - nội dung của chứng cứ - phải phù hợp với những gì đã xảy ra trong hiện thực khách quan. Chứng cứ có thể liên quan đến vụ án, hợp pháp nhưng có thể không xác thực. Thí dụ như lời khai của người làm chứng được thu thập hợp pháp liên quan đến những tình tiết sự kiện của vụ án nhưng nội dung lại giả dối. Chứng cứ bị thừa nhận không xác thực thì không có giá trị pháp lý và không thể là căn cứ để ra các quyết định tố tụng. Tính xác thực của chứng cứ được xác định trên cơ sở làm rõ các tình tiết, các dấu vết, đánh giá tổng thể chứng cứ cũng như đánh giá từng chứng cứ. Luật không quy định tiêu chí hình thức nào để đánh giá tính xác thực của chứng cứ và ở đây hoàn toàn áp dụng nguyên tắc tự do đánh giá chứng cứ theo niềm tin nội tâm trên cơ sở so sánh, kiểm tra và đánh giá từng chứng cứ và tổng hợp chứng cứ.

### 2.2.2. Một số quy tắc ngoại lệ và tranh luận liên quan đến thuộc tính của chứng cứ

#### a. Căn cứ loại trừ chứng cứ không hợp pháp

Mặc dù luật quy định rõ ràng là bất kỳ vi phạm luật nào khi thu thập chứng cứ đều dẫn đến hậu quả chứng cứ không được chấp nhận là hợp pháp (Điều 75 BL TTHS Liên bang Nga) nhưng trong khoa học TTHS cũng như trong thực tiễn ở nước Nga vẫn xuất hiện câu hỏi nên chăng cần thiết có sự phân hóa ở đây? Trong khoa học TTHS có hai nhóm quan điểm khác nhau xung quanh vấn đề này. Nhóm quan điểm thứ nhất cho rằng vi phạm pháp luật có sự khác

nhau về tính chất, về hậu quả nên đòi hỏi khách quan sự phân hóa thái độ khi xem xét đánh giá tính hợp pháp của chứng cứ, thí dụ như cần thiết phân loại vi phạm pháp luật tố tụng thành vi phạm nghiêm trọng hoặc không nghiêm trọng, vi phạm có thể khắc phục hoặc vi phạm không thể khắc phục, vi phạm làm hoại nghi tính xác thực của chứng cứ và vi phạm xâm phạm quyền tố tụng của bị can...<sup>28</sup> Nhóm quan điểm thứ hai ủng hộ tuyệt đối việc thừa nhận không điều kiện chứng cứ không hợp pháp là chứng cứ khi thu thập có bất kỳ vi phạm luật tố tụng nào, không phụ thuộc vào tính chất của vi phạm. Những người theo quan điểm này cho rằng thuộc tính hợp pháp của chứng cứ được xem là một trong những công cụ quan trọng bảo vệ quyền con người trong TTTHS, do vậy vai trò này cần được đặt lên hàng đầu khi xem xét thuộc tính hợp pháp của chứng cứ. Hiện nay thực tiễn xét xử ở Liên bang Nga khi giải quyết vấn đề này chủ yếu dựa vào giải thích của Tòa án Tối cao Liên bang Nga ngày 5/3/2004, theo đó chứng cứ bị thừa nhận là không hợp pháp trong những trường hợp sau: khi thu thập chứng cứ có vi phạm các quyền hiến định của công dân; vi phạm trình tự do BL TTTHS quy định về thu thập và củng cố chứng cứ; chứng cứ do chủ thể không có thẩm quyền thu thập và củng cố; thu thập và củng cố chứng cứ bằng những hành vi không do BL TTTHS quy định.<sup>29</sup>

Trong án lệ của Hoa Kỳ ghi nhận rất nhiều ngoại lệ của quy tắc loại trừ chứng cứ theo hướng bảo vệ những người của cơ quan THTT có lỗi vi phạm pháp luật khi thu thập chứng cứ. Thí dụ điển hình về ngoại lệ của nguyên tắc loại trừ là vụ án Mariland kiện Garison. Cảnh sát nhận được lệnh khám nhà tại địa chỉ cụ thể, khi vào nhà phát hiện và thu giữ được ma túy. Sau đó mới biết tại địa chỉ ghi trong lệnh khám nhà có hai căn nhà đối diện nhau và căn nhà mà theo lệnh phải khám xét không phải là nhà của ông Garison - nơi phát hiện và thu giữ ma túy - mà là nhà đối diện, nhà của ông Mac-Vebba. Do cảnh sát thực hiện lệnh khám nhà không thể thấy trước khả năng trùng hợp này, không có ý thức vi phạm bất kỳ quy định nào của luật nên ma túy bị phát hiện và thu giữ được thừa nhận là chứng cứ hợp pháp và ông Garison bị xét xử về tội tàng trữ ma túy.<sup>30</sup> Ngoại lệ ở đây là đã xem xét đến yếu tố chủ quan (có lỗi hay không có lỗi) trong hành vi vi phạm pháp luật của những người THTT để quyết định vấn đề có loại trừ chứng cứ hay không, đồng thời áp dụng nguyên tắc suy đoán những người THTT luôn có lỗi khi vi phạm luật theo đó những chủ thể này có nghĩa vụ chứng minh họ đã không có lỗi vi phạm luật khi thu thập chứng cứ.<sup>31</sup>

*b. Học thuyết “quả của cây độc” (fruit of the poisonous tree)*

Học thuyết này có nguồn gốc từ học thuyết chứng cứ Hoa Kỳ nói về

28 Балакшин В. С., *ltd.*

29 Боруленков Ю.П., *ltd.*

30 Maryland v. Garrison, 480 U.S. 79, 1987 [Tiếng Việt: Vụ án Mariland chống Garison, 480 Hoa Kỳ .79, 1987].

31 Шестакова С.Д., *ltd.*

mối liên hệ có tính xâu chuỗi giữa các chứng cứ với nhau, khi mà chứng cứ này xuất hiện, hình thành trên cơ sở tồn tại của chứng cứ khác. Thí dụ, bị can khai đã chuyển tài sản trộm cắp cho A. Trên cơ sở lời khai này cơ quan điều tra tiến hành khám xét nhà của A và phát hiện, thu giữ được tài sản trộm cắp. Vật chứng này được đưa vào hồ sơ. Sau đó cơ quan điều tra tiến hành cho người bị hại nhận dạng tài sản bị trộm cắp, lấy lời khai người bị hại về tài sản bị trộm cắp... Mỗi một chứng cứ trong xâu chuỗi này xuất hiện trên cơ sở của chứng cứ trước đó: biên bản khám nhà của A và thu giữ tài sản trộm cắp xuất hiện trên cơ sở lời khai của bị can; biên bản người bị hại nhận dạng tài sản trộm cắp xuất hiện trên cơ sở biên bản khám nhà A và thu giữ tài sản trộm cắp; biên bản lấy lời khai người bị hại xuất hiện trên cơ sở biên bản nhận dạng tài sản trộm cắp... Vấn đề đặt ra là nếu như chứng cứ đầu tiên - lời khai của bị can - trong xâu chuỗi này bị coi là không hợp pháp (không có mặt của người bào chữa trong trường hợp sự tham gia của chủ thể này là bắt buộc) thì số phận pháp lý của các chứng cứ tiếp theo sẽ như thế nào?

Ở Hoa Kỳ, học thuyết này được áp dụng trong thực tiễn xét xử rất mềm dẻo trong những trường hợp cụ thể và đây chính là một trong những ưu điểm của truyền thống án lệ.

Trong khoa học TTHS Nga quan điểm truyền thống cho rằng tính hợp pháp của từng chứng cứ phải được xem xét, đánh giá độc lập. Trong thí dụ trên thì nếu việc khám xét nhà của A hoàn toàn tuân thủ quy định của BL TTHS thì biên bản khám xét, phát hiện và thu giữ tài sản trộm cắp được xem là chứng cứ hợp pháp mặc dù chứng cứ trước đó - lời khai của bị can là cơ sở khám xét nhà của A - bị coi là không hợp pháp (ngay cả trong tình huống nếu không có lời khai của bị can thì không thể thực hiện khám xét nhà của A do không có thông tin khác về nơi cất giấu tài sản). Vào những năm 90 của thế kỷ trước, thực tiễn xét xử ở Nga đi theo hướng áp dụng học thuyết “quả của cây độc”. Nhưng hiện nay thì xu thế này không phải là thắng thế trong thực tiễn xét xử. Điều này cho thấy thái độ thận trọng đối với học thuyết “quả của cây độc” trong thực tiễn xét xử ở Nga.<sup>32</sup>

### *c. Quy tắc bất đối xứng*

Trong khoa học TTHS Xô - viết những năm 1980 đã xuất hiện trường phái lý luận “quy tắc bất đối xứng” liên quan đến việc giải quyết vấn đề chứng cứ bị thừa nhận là không hợp pháp có dẫn đến hậu quả pháp lý tiêu cực như nhau đối với bên buộc tội và bào chữa hay không? Trường phái này cho rằng bên buộc tội không được sử dụng chứng cứ bị thừa nhận là không hợp pháp, còn bên bào chữa thì có quyền, nói cách khác, đối với bên bào chữa không có chứng cứ không hợp pháp. Quy định về chứng cứ không hợp pháp chỉ áp dụng với chứng cứ buộc tội thu thập có vi phạm luật còn chứng cứ gỡ tội dù thu thập có vi phạm luật nhưng vẫn được quyền sử dụng. Đây chính là sự bất đối xứng

32 Головки Л.В., *uđđ.*

về hậu quả tiêu cực khi chứng cứ bị xem là không hợp pháp đối với các bên buộc tội và bên bào chữa.<sup>33</sup> Các bên ủng hộ cũng như phần bác quy tắc này đều đưa ra lập luận của mình. Tuy nhiên luật thực định không nhìn nhận bất kỳ ngoại lệ nào đối với trường hợp thu thập chứng cứ có vi phạm luật tố tụng. Luật còn ghi rõ không được sử dụng chứng cứ không hợp pháp làm căn cứ buộc tội và để chứng minh các tình tiết thuộc đối tượng chứng minh (trong đó có tình tiết loại trừ tính tội phạm và hình phạt của hành vi; tình tiết giảm nhẹ hình phạt, tình tiết miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt... tức là cả những tình tiết bào chữa có lợi cho bị can).<sup>34</sup> Như vậy, có thể nói ở Liên bang Nga ngày nay, học thuyết này chỉ tồn tại thuần túy như một trào lưu học thuật mà thôi. ●

### Tài liệu tham khảo

- [1] Балакшин В. С., Доказательства в теории и практике уголовно-процессуального доказывания : монография, Екатеринбург, 2005 [trans: Balakshin V. S., *Evidence in the theory and practice of criminal procedural evidence: monograph*, Ekaterinburg, 2005]
  - [2] Tran Kim Chi, “Victim’s Participation in Adversary Procedure of the Russian Federation’s Criminal Procedure Code and Lessons for Vietnam”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 5, No. 2, 2021, <https://doi.org/10.2478/vjls-2021-0015>
  - [3] Дорохов В. Я., Понятие доказательства, Теория доказательств в советском уголовном процессе, 2-е изд., под ред. Жогина Н.В., М., 2008 [trans: Dorokhov V. Ya., *The concept of evidence, Theory of evidence in Soviet criminal proceedings*, 2nd ed., ed. Zhogina N.V., M., 2008]
  - [4] Федулina Е. А., “Теория формальных доказательств: исторический подход к оценке” [trans: Fedulina E. A., “Theory of formal proof: a historical approach to assessment”, <https://wiselawyer.ru/>]
  - [5] Жогин Н. В., Теория доказательств в советском уголовном процессе, М. Юридическая литература, 1973 [trans: Giogin N. V., *The theory of evidence in Soviet criminal proceedings*, M. Legal literature, 1973]
  - [6] Головки Л. В., Курс уголовного процесса, М.: Статут, 2016 [trans: Golovko L. V., *Course of criminal procedure*, M.: Statute, 2016]
  - [7] Гущенко К. Ф., Головки Л. В., Филимонов Б. А., Уголовный процесс западных государств, М.: Зерцало, 2001 [trans: Gutsenko K. F., Golovko L. V., Filimonov B. A., *Criminal procedure of Western states*, M.: Mirror, 2001]
  - [8] Орлов Ю.К., Основы теории доказательств в уголовном процессе. Научно-практическое пособие, М.: “Проспект”, 2001 [trans: Orlov Yu. K., *Fundamentals of the theory of evidence in criminal proceedings, Scientific and practical manual*, M.: Prospekt, 2001]
  - [9] Шейфер С. А., Собираание доказательств по уголовному делу: проблемы законодательства, теории и практики, М.: Норма: Инфра-М, 2015 [trans: Shafer S. A., *Collecting evidence in a criminal case: problems of legislation, theory and practice*, M.: Norma: Infra-M, 2015]
  - [9] Шестакова С. Д., Допустимость доказательств в уголовном процессе России и США, Уголовное право. 2004. № 3 [trans: Shestakova S. D., *Admissibility of evidence in criminal proceedings in Russia and the USA*, Criminal Law. 2004. No. 3]
  - [10] Строгович М. С., Курс советского уголовного процесса, “Т.1. Трусов А.И. Основы теории судебных доказательств”, М., 1960 [trans: Strogovich M.S., *Course of Soviet criminal procedure*, “Т.1. Trusov A.I. Fundamentals of the theory of forensic evidence”, M., 1960]
- 
- 33 Савицкий В.М., *Последние изменения в УПК: продолжение демократизации судопроизводства* (вступительная статья к УПК), УК РФ, УПК РФ. М., 1994. (Tiếng Việt: Savitsky V. M., *Những thay đổi mới nhất của Bộ luật Tố tụng hình sự: tiếp tục dân chủ hóa thủ tục tố tụng tư pháp* (bài viết giới thiệu về Bộ luật tố tụng hình sự), Bộ luật Hình sự Liên bang Nga, Bộ luật Tố tụng hình sự Liên bang Nga, M. 1994).
  - 34 Кудрявцев В.Л., Проблемы двойного стандарта при определении допустимости доказательств в российской уголовно-процессуальной науке [Tiếng Việt: *Những vấn đề chuẩn mực kép khi định nghĩa tính hợp pháp của chứng cứ trong khoa học TTHS Nga*], <https://www.iuaj.net/>.